

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HS-ST
Ngày: 15 - 3 -2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận

Ông Trần Đức Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông An Bắc Lùng- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2024/HSST ngày 01 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST–HS ngày 29 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Minh Th (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1987 tại tỉnh Đồng Nai;

Nơi cư trú: Thôn 5, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; số căn cước công dân: 070087007501 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/01/2023; con ông Lê Minh C, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1955; có 06 anh em, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình; chung sống N vợ chồng với chị Đào Thị Thu H và có 01 con chung sinh năm 2023; tiền án: không; tiền sự: Không.

Về nhân thân:

Ngày 15/3/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú xử phạt 15 tháng tù Nng cho hưởng án treo về Tội chế tạo, tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự theo Bản án số 05/2005/HSST; bị cáo đã chấp hành xong và đã được xóa án tích.

Ngày 24/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú xử phạt 02 năm tù về Tội cố ý gây thương tích theo Bản án 32/2017/HSST; bị cáo đã chấp hành xong và đã được xóa án tích.

Ngày 13/5/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xử phạt 15 tháng tù về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Bản án số 22/2019/HSST; bị cáo đã chấp hành xong và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đào Thị Thu H, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn 4, G, thành phố H, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Do quen biết từ trước với Lê Minh Th nên Đỗ Thanh D (không rõ nhân thân, lý lịch) thường xuyên tới nhà Th để chơi và được Th dẫn đến vườn sầu riêng của vợ chồng anh Phạm Q, tại thôn 5, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước để xem. Trong quá trình xem sầu riêng, Th nói với D đây là vườn sầu riêng của Th rồi nhờ D tìm người mua sầu riêng trái (mua sầu riêng non) giúp Th thì D đồng ý.

Ngày 11/06/2023, D dẫn chị Nguyễn Thị Ánh N đến vườn sầu riêng của anh Phạm Q gặp Th. Tại đây, Th tự giới thiệu bản thân tên Nguyễn Văn N, là chủ vườn sầu riêng nói trên. Rồi Th dắt chị N đi xung quanh xem vườn, Sau khi xem xong thì chị N đồng ý mua sầu riêng trái của Th với giá 53.000 đồng/1kg và yêu cầu chị N đặt cọc trước số tiền 30.000.000 đồng Nng chị N không có tiền mặt nên chị N nói với Th sẽ chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho Th. Sau đó Th đã mượn số tài khoản 0343223917, Ngân hàng Quân đội của Nguyễn Văn Kh là người đi cùng với Th và yêu cầu chị N chuyển tiền trên. Sau đó, chị N đã dùng số tài khoản 0231000603697 tên “DANG THI TY” ngân hàng VIETCOMBANK chuyển cho Th vào số tài khoản trên. Khi nhận được số tiền 30.000.000 đồng từ chị N thì Th dùng tên Nguyễn Văn N ký 01 hợp đồng mua bán sầu riêng với chị N. Sau khi nhận tiền xong, Th cho Khánh 1.000.000 đồng, còn lại Th đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 20/11/2023, Th nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nên đã đến Công an huyện Bù Đăng đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số: 22/CT –VKS ngày 31/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Lê Minh Th về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, nhân thân cũng N các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bị cáo Lê Minh Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Minh Th từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2023.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định, hiện đang bị tạm giam nên không đề nghị hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không xem xét.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đào Thị Thu H xác định số tiền 30.000.000 đồng bồi thường cho bị hại chị N là do bị cáo tác động chị H bồi thường; số tiền này do chị H tự nguyện bỏ ra, không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho chị H số tiền này.

Bị cáo Lê Minh Th thừa nhận hành vi phạm tội N nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát và xin được giảm nhẹ phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại chị Nguyễn Thị Ánh N tại phiên tòa: Xét thấy chị N đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra, có ý kiến về phần dân sự và hình phạt đối với bị cáo, đồng thời có đơn xin giải quyết vắng mặt nên việc vắng mặt của chị N không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 xử vắng mặt người bị hại.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, người làm chứng trong quá trình điều tra, truy tố. Đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Mặc dù không có vườn sầu riêng Nng Lê Minh Th đã tự nhận mình là chủ vườn sầu riêng của vợ chồng anh Phạm Q tại thôn 5, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước để bán trái sầu riêng cho chị Nguyễn Thị Ánh N để chiếm đoạt của chị N số tiền đặt cọc là 30.000.000 đồng vào ngày 11/6/2023.

N vậy, hành vi sử dụng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt tài sản của người của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ

luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối làm cho người bị hại tin tưởng giao tài sản, nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người bị hại là vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự an toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình khắc phục hậu quả; bị cáo có con còn nhỏ; bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để áp dụng cho bị cáo. Mặc dù bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Nng bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã từng bị xét xử về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (đã được xóa án tích) Nng không biết lấy đó làm bài học mà với mục đích vụ lợi, bị cáo vẫn có tình thực hiện, chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, bảo đảm trật tự kỷ cương xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, hiện đang bị tạm giam nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị hại chị N đã được nhận lại được số tiền bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Lê Minh Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Minh Th 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2023.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Minh Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước.
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đào